

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 113/2021/ HS - ST.

Ngày: 27/01/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Tiếp

Bà Nguyễn Thị Thuởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2020/HSST ngày 24/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2020/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn C - Sinh ngày 10/10/1998; ĐKNKTT và chỗ ở: Phố Y, phường T, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc; kinh; giới tính; nam; tôn giáo; không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và con bà Lê Thị T; có vợ: Nguyễn Thị N và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 16/4/2019 bị TAND huyện H, tỉnh T xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”; tạm giữ: 18/10/2016 đến ngày 27/10/2016 được trả tự do; đến ngày 10/7/2020 bị bắt tạm giữ; tạm giam: 13/7/2020. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Huy T - Sinh ngày 10/6/1998; ĐKNKTT và chỗ ở: Đường A, phố Y, phường T, thành phố T, tỉnh T; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc; kinh; giới tính; nam; tôn giáo; không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Huy N

và con bà Cao Thị T; tiền án; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho các bị cáo* Lê Văn C, Lê Huy T, bà Lê Thu Hằng - Trợ giúp viên, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

- *Bị hại:* Anh Phạm Đình N - Sinh năm: 1994, trú tại: Đường A, phường T, thành phố T, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Lê Thị T - Sinh năm: 1963; trú tại: phố Yên Vực 2, phường T, thành phố T, tỉnh T (mẹ đẻ của bị cáo C).

2. Bà Cao Thị T - Sinh năm: 1970; trú tại: Đường A, phố Y, phường T, thành phố T, tỉnh T (mẹ đẻ của bị cáo T).

3. Bà Đỗ Thị T - Sinh năm: 1972; Thôn X, xã H, thành phố T (mẹ đẻ anh N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Lê Văn C và Lê Huy T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 20h30' ngày 17/2/2015 anh Phạm Đình N, sinh năm 1994 trú tại thôn X, xã H, thành phố T cùng với bạn Lê Sùng H, sinh năm 1994 (người cùng thôn) và Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1992, trú tại thôn V, xã H, thành phố Thanh T; Nguyễn Văn T, sinh năm 1995, trú tại Đường Q, phường Đ, thành phố T đến hát Karaoke tại quán của anh Bùi Minh S, sinh năm 1985 trú tại thôn X, xã H, thành phố T.

Tại đây Phạm Đình N có gặp nhóm của Lê Huy T và Lê Văn C cùng với Lê Văn Đ, sinh năm 1993, Phố N, phường T, thành phố T, Lê Kim T, sinh năm 1997, thôn X, xã H, thành phố T, đang hát karaoke và chơi bi a. Do mâu thuẫn trước đó nên giữa T và N xảy ra xích mích, cãi nhau, được mọi người can ngăn nên nhóm của T, C đi về, nhóm của N ở lại hát Karaoke và chơi bi-a.

Đến khoảng 22h30 cùng ngày, N cùng với H, N, S và T đi về, khi ra đến cổng quán nhà anh S) thì thấy C và T đi xe máy đến, cả T và C xuống xe, T nói “bay thích làm răng”, anh N nói lại “bay giỏi thì chém đi”. Ngay sau đó T và C mỗi người cầm 01 con dao lại chém, thấy T và C cầm dao lao lại chém mình nên anh N và bạn bỏ chạy vào phía trong quán hát Karaoke nhà anh S. Khi anh N chạy đến khu vực bàn bi-a nhà anh S, thì bị T đuổi kịp và dùng dao chém một nhát vào đầu

và một nhát vào mu bàn tay. Anh Lê Sùng H chạy vào can ngăn thì bị T dùng dao lùa theo chém một nhát vào đầu và một nhát cẳng chân bên trái.

Lúc này C tiếp tục dùng dao đờn chém anh N, anh N lấy được cái gậy dùng chơi bi a vụt lại phía anh C đồng thời lùi lại thì bị ngã, C dùng dao chém vào người anh N, khi dùng dao chém vào đầu, theo phản xạ anh N dơ tay lên đỡ thì bị chém vào tay trái, bị thương anh N la lên “bị chém đứt tay rồi”, nghe tiếng anh N la nên C bỏ đi ra ngoài cổng. Anh N và anh H bị thương, được mọi người đưa đi bệnh viện cấp cứu, còn C và T rời khỏi hiện trường.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T lập ngày 18/2/2015 anh Phạm Đình N có các vết thương:

Gồm: 01 vết thương mu mặt tay trái, đứt gân duỗi nâng ngón cái, đứt toàn bộ gân duỗi các ngón 1,2,3,4 đứt động mạch quay, động mạch trụ, đứt xương vùng cổ tay bên trái, đứt thần kinh chi phối vùng bàn tay trái, 01 vết thương mặt trước cổ tay trái, đứt khối xương trụ cốt cổ tay bên trái, đầu các ngón tay bên trái màu tím hồng, 01 vết thương vùng chẩm sắc gọn kích thước 5cm.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể do cơ quan điều tra Công an thành phố T lập ngày 18/2/2015 anh Lê Sùng H có các vết thương.

Gồm: 01 vết thương vùng đầu kích thước 05cm, bờ mép sắc gọn, 01 vết thương vùng cẳng chân bên trái kích thước (4x2)cm, bờ mép nhám nhỏ.

Tại bản kết luận giám định số: 103/2015/TTPY ngày 06/4/2015 Trung tâm pháp y tỉnh T đã kết luận anh Phạm Đình N tổn thương cơ thể do thương tích gây tích là 46%.

Ngày 02/5/2015 anh Lê Sùng H có đơn từ chối giám định thương tích.

Sau khi gây án Lê Huy T bỏ trốn, cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định truy nã. Ngày 04/6/2020 Lê Huy T đến đội Cảnh sát đường thủy Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh đầu thú và cung cấp giấy tờ liên quan đến bệnh tâm thần. Cơ quan điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y Tâm thần đối với Lê Huy T.

Ngày 29/9/2020, Viện pháp y Tâm thần có văn bản số 363/KLGD kết luận: Trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội và thời điểm giám định Lê Huy T bị chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên Lê Huy T hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Đối với Lê Văn C sau khi gây án bỏ trốn, ngày 18/10/2016 Lê Văn C đến Cơ quan CSĐT - Công an thành phố T đầu thú. Do chưa đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Lê Văn C, ngày 27/10/2016 Cơ quan điều tra trả tự do đối với Lê Văn C.

Ngày 8/7/2020 Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Văn C về tội “Cố ý gây thương tích”. Do không biết Lê Văn C ở đâu nên Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã đối với C. Ngày 10/7/2020 Lê Văn C đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Tại cơ quan điều tra Lê Văn C không thừa nhận việc T đưa dao cho C mà khai báo nhặt được con dao trong bụi cây tại quán nhà anh Sơn. Lời khai của C không phù hợp với lời khai ban đầu (năm 2016) khi đến Cơ quan điều tra đầu thú cũng như không phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng. C chỉ thừa nhận khi anh N cầm gậy bị a đánh C và C dơ dao lên đỡ thì làm anh N bị thương tại bàn tay trái.

Đối với Lê Huy T không thừa nhận việc đưa dao cho C, không thừa nhận dùng dao chém anh Lê Sùng H, T chỉ thừa nhận việc C dùng dao gây thương tích cho anh Phạm Đình N, căn cứ vào lời khai của bị hại, nhân chứng có mặt tại hiện trường, đủ cơ sở xác định Lê Huy T là người dùng dao chém gây thương tích cho anh Phạm Đình N là phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Về vật chứng, sau khi gây thương tích cho bị hại, đối với hung khí là những con dao nói trên các bị cáo đã vứt bỏ và không nhớ ở đâu, thời gian quá dài Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về phần bồi thường dân sự: Anh Phạm Đình N yêu cầu Lê Văn C và Lê Huy T bồi thường 200.000.000đ. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Lê Huy T đã động viên và đã được mẹ bị cáo bồi thường được 10.000.000đ cho bị hại và đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Tại phiên tòa anh Phạm Văn N thừa nhận gia đình bị cáo Lê Văn C sau khi anh ra viện thì Lê Văn C đã đến gia đình bồi thường cho anh số tiền 10.000.000đ nhưng không viết giấy tờ.

Tại phiên tòa, Lê Văn C lúc đầu chưa thành khẩn khai báo về việc đã dùng dao gây thương tích cho anh Phạm Đình N. Trong phạm vi xét hỏi, Hội đồng xét xử đã làm rõ các chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội đối với các bị cáo, tuy nhiên Lê Văn C đã thừa nhận ngày 17/02/2015, vào khoảng 22h30' bị cáo đã cùng Lê Huy T dùng dao gây thương tích cho anh Phạm Đình N.

Cáo trạng số 359/CT - VKS- TA ngày 23/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố các bị cáo Lê Văn C và Lê Huy T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của BLHS năm 1999.

Phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 5 Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 33 của BLHS năm 1999 (đối với C); khoản 3 Điều 104; điểm b,n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 5 Điều 69; khoản 1 Điều 74; Điều 33 của BLHS (đối với T); đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù; đề nghị xử phạt bị cáo Lê Huy T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân khi phạm tội và cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình. Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn C và Lê Huy T đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, do bị cáo Lê Huy T có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS và bản thân bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và không có khiếu nại gì cần được tiến hành theo thủ tục chung.

[2]. Các căn cứ là tình tiết định tội đối với bị cáo: Trên cơ sở lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay và lời khai trước đây bị các cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, báo cáo của bị hại, lời khai của người làm chứng, cùng tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 22h30' ngày 17/2/2015 tại khu vực quán Karaoke của anh Bùi Minh S xã H, thành phố T do mâu thuẫn cá nhân, các bị cáo Lê Văn C và Lê Huy T đã dùng dao gây thương tích đối với anh Phạm Đình N bị tổn thương cơ thể 46% sức khỏe.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đã đánh giá đúng tính chất hành vi nguy hiểm của tội phạm, đồng thời vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn C và Lê Huy T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 của BLHS năm 1999.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Lê Văn C và Lê Huy T có đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tỷ lệ tổn hại sức khỏe của bị hại chỉ mức 46% nhưng vì các bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm để phạm tội, nên phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 104 của BLHS năm 1999. Như vậy, Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội cần được chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo được thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, theo quy định khoản 3 Điều 134 của BLHS năm 2015 có khung hình phạt mức tối đa thấp hơn khoản 3 Điều 104 của BLHS năm 1999. Nguyên tắc theo hướng có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 7 của BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xem xét trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[3]. Tính chất chung của vụ án: Hành vi của các bị cáo được thực hiện dưới dạng đồng phạm giản đơn, các bị cáo khi phạm tội đều là người chưa thành niên.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, do có sự mâu thuẫn với nhau từ trước giữa các nhóm cùng đi hát, khi gặp nhau tại quán karaoke đã có sự xích mích cãi nhau, tuy đã được mọi người can ngăn, nếu biết làm chủ bản thân để dừng lại thì không có hậu quả đáng tiếc xảy ra. Vì động cơ muốn trả thù cá nhân và ý thức chấp hành pháp luật không nghiêm, các bị cáo đã dùng dao gây thương tích cho bị hại. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác nói riêng mà còn xâm phạm đến trật tự xã hội nói chung, tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, cần phải được xử lý nghiêm đối với các bị cáo mới có tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Vai trò và trách nhiệm hình sự của từng bị cáo: Trong vụ án này cả 02 bị cáo đều không có chủ định từ trước, sau khi có mâu thuẫn giữa Lê Huy T với anh Phạm Đình N và có xích mích cãi nhau giữa T với anh N dẫn đến T và C về lấy dao đến quán Karaoke để gây thương tích cho bị hại rồi trốn khỏi địa phương, như vậy giữa T và C đều có vai trò ngang nhau.

Cả 02 bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, khi phạm tội, Lê Văn C chỉ có 16 tuổi, 04 tháng 07 ngày, Lê Huy T chỉ 16 tuổi, 08 tháng 07 ngày. Đối với Lê Văn C sau khi phạm tội đã bỏ trốn, ngày 18/10/2016, bị cáo đến Cơ quan CSĐT Công an

thành phố T đầu thú. Do chưa đủ tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Lê Văn C, ngày 27/10/2016 bị cáo được trả tự do, ngày 15/6/2018, tiếp tục phạm tội gây rối trật tự công cộng và bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, như vậy được đánh giá bị cáo C có nhân thân xấu.

Đối với cả 02 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng TNHS, bị cáo Lê Văn C được áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, bị cáo Lê Huy T được áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, khi phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi và cả 02 bị cáo sau khi phạm tội đến cơ quan Công an đầu thú để khai nhận hành vi phạm tội của mình. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS áp dụng cho các bị cáo được quy định tại các điểm b, n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS.

Căn cứ vào nhân, tính chất, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ TNHS của từng bị cáo, trong vụ án này bị cáo Lê Văn C có nhân thân xấu, có ít tình tiết giảm nhẹ TNHS nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Lê Huy T.

Đối với Lê Văn C có nhân thân xấu, Lê Huy T sau khi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan CSĐT đã ra lệnh truy nã do vậy việc cách ly cả 02 bị cáo khỏi xã hội để cải tạo giáo dục đối với các bị cáo là cần thiết. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 5 Điều 69 và khoản 1 Điều 74 của BLHS năm 1999 để cho các bị cáo được hưởng ba phần tư mức hình phạt mà điều luật quy định.

Trong vụ án này đối với cáo Lê Văn C ngày 16/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng về án treo *“Trường hợp người đang được hưởng án treo mà lại phát hiện trước khi được hưởng án treo họ đã thực hiện một tội phạm khác thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm đó và không tổng hợp hình phạt của bản án treo. Trong trường hợp này, người phạm tội phải đồng thời chấp hành 02 bản án và việc thi hành do các cơ quan được giao trách nhiệm thi hành hình sự phối hợp thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự”*. Do đó không tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Phạm Đình N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T xem xét các khoản chi phí gồm:

Tiền phẫu thuật cánh tay tại Bệnh viện Việt Đức = 60.000.000đ, (không có hóa đơn), tiền điều trị tại Bệnh viện Việt Đức = 2.600.000đ/1 ngày, từ ngày 18/02/2015 đến ngày 03/03/2015 là 14 ngày x 2.600.000đ = 36.400.000đ, (tháng 02 tính 28 ngày), chi phí đi lại 5.000.000đ, tiền chi phí điều trị có hóa đơn = 22.000.000đ, tiền tái khám và tiền thuốc = 5.000.000đ. Tổng là 128.400.000đ (một trăm hai tám triệu, bốn trăm ngàn đồng). Ngoài ra anh Phạm Đình N còn đề nghị khoản tiền mất thu nhập từ tháng 03/2015 đến tháng 01/2018 với số tiền theo hợp đồng lao động là 6.000.000đ/1 ngày công.

Đối với khoản tiền bà Đỗ Thị T (mẹ đẻ bị hại) kê khai trong quá trình chăm sóc anh Phạm Đình N tại Bệnh viện từ 18/02/2015 đến 03/03/2015 gồm các khoản như sau:

Tiền tiền thu nhập hàng ngày 300.000đ x 14 ngày = 4.200.000đ, tiền chi phí đi lại thăm nuôi = 5.000.000đ, tiền thuê nhà trọ = 2.000.000đ, tiền ăn cho bà T và anh N = 5.000.000đ, tiền vật tư y tế = 3.000.000đ và tiền chi phí sau khi ra viện điều trị tại nhà = 30.000.000đ. Tổng là 49.200.000đ.

Tổng cộng cả khoản tiền anh Phạm Đình N và bà Đỗ Thị T đề nghị = 177.600.000đ. (Một trăm bảy bảy triệu, sáu trăm ngàn đồng).

- Xét về yêu cầu bồi thường: Tổng số tiền bị hại đưa ra là 128.400.000đ, trong đó (có hóa đơn để thanh toán là 22.000.000đ) cần được chấp nhận, các khoản khác được bị hại kê ra nhưng không có hóa đơn được xem xét như sau.

Căn cứ vào tỷ lệ thương tật và thực tế điều trị để chấp nhận các chi phí cần thiết đảm bảo quyền lợi cho bị hại bao gồm; khoản tiền chi trả cho Bệnh viện 14 ngày x 2.600.000đ/1 ngày = 36.400.000đ, tiền thuê xe đi, về trong suốt thời gian điều trị: 5.000.000đ, tiền thuê xe đi tái khám và tiền thuốc: 5.000.000đ, tiền tổn thất về tinh thần tính là 10 tháng lương x 1.490.000đ/1 tháng = 14.900.000đ, tiền mất thu nhập được tính cho 03 tháng x 6.000.000đ/1 tháng = 18.000.000đ, tiền bồi dưỡng sau điều trị: 10.000.000đ. Như vậy chi phí có hóa đơn và không có hóa đơn được chấp nhận tổng tất cả các khoản: 111.300.000đ.

Đối với yêu cầu của bà Đỗ Thị T, theo báo cáo của bà tổng các khoản phải chi phí và bị mất giảm sút là 49.200.000đ, mặc dù không có chứng từ thanh toán nhưng cũng phải xem xét thực tế để đảm bảo quyền lợi cho bà, vì việc bà là người trực tiếp chăm sóc cho bị hại, các khoản được chấp nhận gồm; tiền mất thu nhập 14 ngày x 300.000đ/1 ngày = 4.200.000đ, tiền thuê xe đi lại thời gian bị hại điều trị: 3.000.000đ, tiền thuê trọ: 2.000.000đ, tiền ăn của 02 người: 5.000.000đ. Như vậy tổng số tiền được chấp nhận: 14.200.000đ.

Về trách nhiệm bồi thường, các bị cáo khi phạm tội đều là người chưa thành niên, hiện tại chưa có thu nhập và không có tài sản riêng, cần phải căn cứ vào Điều 586 của Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc cha, mẹ bị cáo phải bồi thường. Trong vụ án này bà Lê Thị T (mẹ bị cáo C), bà Cao Thị T (mẹ bị cáo T) điều tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện cho bố, mẹ của các bị cáo để thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về căn cứ và nguyên tắc bồi thường phải được thực hiện theo quy định tại các Điều 584 và 585, việc bồi thường thiệt hại do nhiều người cùng gây ra thực hiện theo quy định tại Điều 587, thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm thực hiện theo Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015. Trong vụ án này bị hại không có lỗi, các bị cáo đều có vai trò ngang nhau, do đó mức bồi thường được xác định về nghĩa vụ như nhau và phải liên đới bồi thường theo quy định của pháp luật.

Như vậy chia theo phần bà Lê Thị T và bà Cao Thị T mỗi người phải bồi thường cho anh Phạm Đình N số tiền là 55.650.000đ (năm lăm triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng) và mỗi người phải bồi thường cho bà Đỗ Thị T số tiền là 7.100.000đ (bảy triệu, một trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa anh Phạm Đình N thừa nhận gia đình bị cáo Lê Văn C đã bồi thường số tiền 10.000.000đ, cần được trừ đi số tiền mà bà Lê Thị T (mẹ đẻ bị cáo C) phải bồi thường.

Hiện tại bà Cao Thị T đã bồi thường được 10.000.000đ, nộp tại Chi cục Thi hành án thành phố T (biên lai thu số AA/2019/0000466 ngày 25/01/2021).

[6]. Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật, án phí dân sự được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn C và Lê Huy T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 104 của BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 134 của BLHS năm 2015; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 (đối với Lê Văn C). Khoản 3 Điều 104 của BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 134 của BLHS năm 2015; điểm b, n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 (đối với Lê Huy T); khoản 5 Điều 69; khoản 1 Điều 74;

Điều 20; Điều 53 và Điều 33 của BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 của BLHS năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Điều 584, 585, 587 và Điều 590 của BLDS năm 2015; Điều 136 của BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án cho cả 02 bị cáo.

- Xử phạt các bị cáo:

1. Lê Văn C 05(năm) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2020, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/10/2016 đến ngày 27/10/2016.

2. Lê Huy T 04(bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bà Lê Thị T (mẹ bị cáo C) và bà Cao Thị T (mẹ bị cáo T) phải liên đới bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Phạm Đình N, tổng số tiền là 111.300.000đ, (một trăm mười một triệu, ba trăm ngàn), chia theo phần mỗi người phải chịu là 55.650.000đ, (năm lăm triệu, sáu trăm năm mươi ngàn) và liên đới bồi thường cho bà Đỗ Thị T, tổng số tiền: 14.200.000đ, (mười bốn triệu, hai trăm ngàn đồng), chia theo phần mỗi người phải chịu 7.100.000đ, (bảy triệu, một trăm ngàn đồng).

Như vậy bà Cao Thị T phải bồi thường cho anh Phạm Đình N và bà Đỗ Thị T số tiền 62.750.000đ, nhưng được trừ đi số tiền 10.000.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu số AA/2019/0000466 ngày 25/01/2021, bà Cao Thị T còn phải bồi thường số tiền 52.750.000đ (năm mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Lê Thị T phải bồi thường cho anh Phạm Đình N và bà Đỗ Thị T số tiền 62.750.000đ, nhưng được trừ đi số tiền 10.000.000đ đã bồi thường trước, bà Lê Thị T còn phải bồi thường số tiền 52.750.000đ (năm mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị hại, anh Phạm Đình N được nhận số tiền 10.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa do bà Cao Thị T đã bồi thường.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Lê Văn C và Lê Huy T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị T phải chịu: 2.637.500đ, bà Cao Thị T phải chịu: 2.637.500đ.

Từ khi anh Phạm Đình N và bà Đỗ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền phải bồi thường, nếu bên phải thi không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 của BLDS năm 2015.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7B và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo Lê Huy T và Lê Văn C; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T, Cao Thị T và bà Đỗ Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; người bào chữa;
bị hại, các người liên quan.
- VKSND tỉnh T;
- VKSND Thành phố T;
- Công an Thành phố T;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh